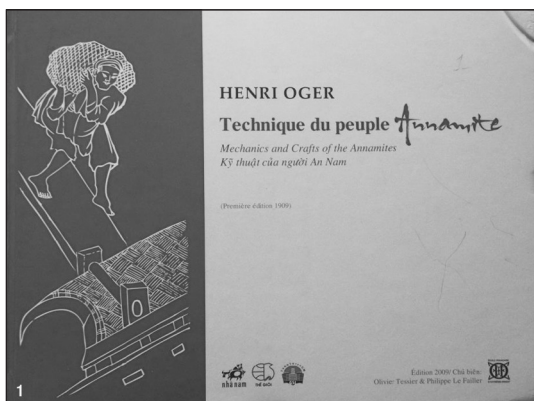


ĐỌC SÁCH

ĐỌC BỘ SÁCH MỚI IN LẠI *KỸ THUẬT CỦA NGƯỜI NAM*

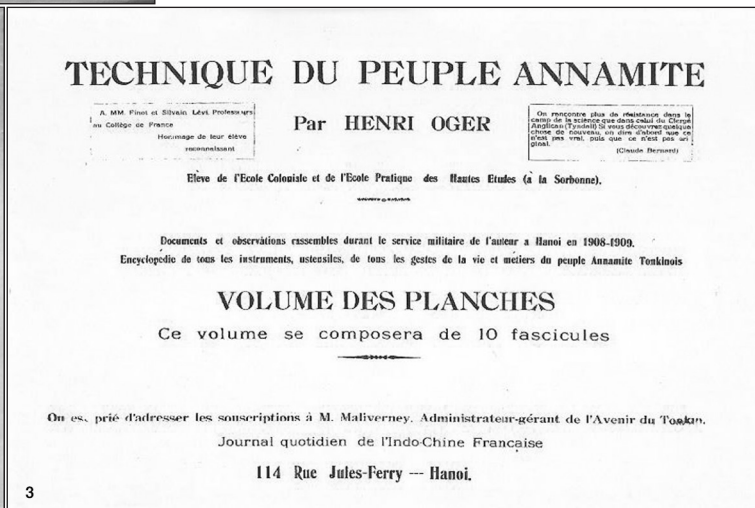
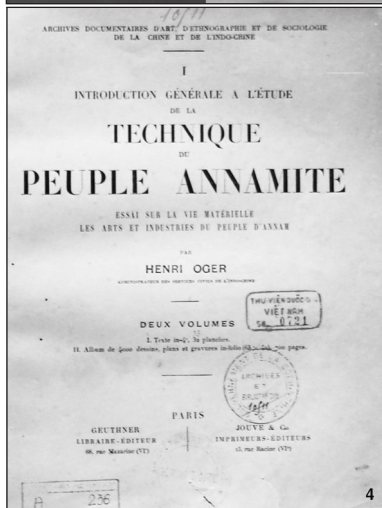
Nguyễn Quảng Minh, Nguyễn Mộng Hưng*

Đầu năm 2009, Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp (EFEO), cơ sở Hà Nội cùng Thư viện Khoa học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Công ty Nhã Nam và Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội đã phát hành một bộ ba quyển sách dày, khổ 24x32cm, bìa cứng, trông trang nhã. Kèm theo sách in còn có một DVD do EFEO thực hiện và không lưu hành trên thị trường. Tất cả đều là in lại bộ sách tạm gọi là *Kỹ thuật của người Nam*⁽¹⁾ (*KTNN*) do Henri-Joseph Oger đứng tên; tập 2 (Tập tranh - Volume des planches) của bộ đó đã được in một bản đúng một trăm năm trước, năm 1909 và cũng ở Hà Nội. Lần in lại này do hai tiến sĩ Olivier Tessier và Philippe Le Failler, làm việc tại EFEO Hà Nội, chủ biên.



Hình 1. Trang bìa ấn bản *Kỹ thuật của người Nam* in năm 2009 ở Hà Nội.

Hình 2. Đĩa DVD của bộ *KTNN* phát hành năm 2009.



Hình 3. Trang bìa *Tập tranh* của bộ *KTNN* in một bản mùa hè năm 1909 ở Hà Nội.

Hình 4. Trang bìa *Tập văn từ* của bộ *KTNN* in đầu năm 1911 ở Paris (ảnh của TVKHTH TPHCM).

* Thành phố Hà Nội.

Trước hết, xin nói về *ấn bản cứng*, gồm ba quyển.

Quyển 1 là *văn từ* bằng ba thứ tiếng: Pháp, Anh và Việt, dày 272 trang. Do quyển này không có mục lục nên để bạn đọc dễ kiểm tra chúng tôi phải ghi, phần tiếng Pháp từ trang 5 đến trang 107, phần tiếng Anh (tr. 108-190) do ông Sheppard Ferguson dịch từ tiếng Pháp, phần tiếng Việt (tr.191-271) do ông Trần Đình Bình dịch (với sự cộng tác của bà Lê Kim Quy) cũng từ tiếng Pháp. Do chất lượng dịch không đồng đều, đôi khi mâu thuẫn với nguyên bản tiếng Pháp nên chúng tôi chỉ dựa vào phần tiếng Pháp; những trích dẫn dưới đây là do chúng tôi tự dịch.

Hơn một trăm trang tiếng Pháp gồm nhiều bài do nhiều người viết về nhiều nội dung và nhất là vào những thời điểm khác nhau, cách nhau cả một thế kỷ. Theo thứ tự thời gian:

- Đầu tiên từ trang 34 đến 107 do Henri Oger (1885-1936?) viết, in đầu năm 1911 ở Paris;

- Sau đến bài do Pierre Huard viết, in năm 1970 (tr.13-14);⁽²⁾

- Cuối cùng là những bài mới viết:

- + Của Ủy ban Danh dự: *Tựa của Ủy ban Danh dự*, trang không số, chúng tôi đếm là trang 7;

- + Của hai vị chủ biên:

- a. *Cảm tạ*, trang không số, chúng tôi đếm là trang 6;

- b. *Đôi lời cùng bạn đọc*, tr. 8-9;

- c. *Tựa của Philippe Le Failler & Olivier Tessier*, tr. 15-33;

- + Của ông Nguyễn Văn Nguyên, người lược phiên và lược dịch những chữ Nho và Nôm có trong các hình khắc (gravure), tr. 10-12. Ông Nguyên viết bằng tiếng Việt, nguyên văn ở các trang 196-198; bản dịch tiếng Pháp là do Philippe Le Failler thực hiện.

Những bài của Oger và Huard đều được đánh vi tính lại và trình bày như nhau, khác với nguyên bản; nếu như được in facsimile thì quý biết bao.

Chúng tôi chú ý đến bài (phần) do Oger viết (tr. 34-107) vì đây là phần gốc; những bài khác là do người sau viết về Oger và về phần gốc này. Bài của Oger gồm các mục:

1- Trang bìa, trang đề tặng cùng lời cảm tạ ở *Tập văn từ* (tr. 34), dạng facsimile. Tuy nhiên, hình trang bìa đã bị thêm khung. Ảnh chụp trang này, do Thư viện Khoa học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh cung cấp (tháng 12 năm 2009), không có khung. Ở sách của Nguyễn Mạnh Hùng (1989: 24)⁽³⁾ trang này cũng không có khung.

2- **Các tác phẩm của tác giả** (tr. 35), gồm 5 “tác phẩm” đã in (chúng tôi thấy ngoài KTNV còn phần lớn đều là những bài báo in trong các năm 1908-1910 ở Hà Nội và Paris) và 10 “tác phẩm” hoặc “dự án” đang thực hiện trong đó riêng về dự án IX. *Tiểu thuyết* có đến 4 quyển.

3- **Ấn phẩm hằng năm không định kỳ** (tr. 36), đây cũng là một dự án mà Oger định thực hiện (các động từ đều ở thì tương lai) với tên *Tài liệu thư tịch về nghệ thuật, dân tộc học và xã hội học Trung Quốc và Đông Dương*.

4- **Giới thiệu tổng quan về nghiên cứu kỹ thuật của người Nam** (tr. 37) gồm danh mục các đề tài mà Oger đã thu thập ở Hà Nội trong hai năm 1908-1909. Chúng tôi nghĩ đây chính là các đề tài của *Tập tranh*, tức quyển 2 và 3, bản in 2009.

5- **Lời nói đầu** (tr. 38-39) nói về mục đích, cách làm việc, trình bày và in ấn.

6- **Vài nét tổng quát về các nghề của dân bản xứ nước Nam - Một chương trình giáo dục mới cho người Nam** (tr. 40-58) nói sơ qua về nghề sơn, nghề thêu, nghề khảm xà cừ, thợ khắc gỗ, nghề làm giấy [bản], các nghề sử dụng giấy (lọng, quạt, tranh in), nghề in bản xứ, thợ cạo, bà bán tương, thợ sửa đồ đạc bằng tre, công nghệ vận tải, công nghệ may mặc (tơ lụa, nhuộm, quần áo mùa đông, kỹ thuật), các công nghệ thực phẩm (giết mổ [gia súc]), chế biến gạo để ăn (giã bánh “giày” [tiếng Việt trong nguyên bản], chế bột gạo), chài lưới, thuốc Lào, kỹ nghệ xây dựng (sử dụng tre), nghề làm gạch (nhà tre [tranh vách] đất, thợ đấu), kết luận (tương lai kỹ nghệ nước Nam, trường dạy nghề). 19 trang mà nói về 26 đề tài (trong đó có những đề tài lớn, quan trọng như tương lai kỹ nghệ nước Nam) thì chúng ta cũng đủ biết nội dung sơ sài đến mức nào.

7- **Thư mục** (tr. 59-73) gồm Kỹ thuật tổng quát, Kỹ thuật Trung Hoa - Những nghiên cứu [của] châu Âu, Trò chơi và đồ chơi, Những nguồn [tài liệu từ] Trung Quốc. Chúng tôi đoán đây là những phiếu thư viện loại mô tả (và cả một số phiếu loại chú giải) mà Oger chép lại từ hộp phiếu ở các thư viện Paris.

8- **Các bảng phân tích của 15 tập tranh** (volume des planches)⁽⁴⁾ xuất bản ở Hà Nội năm 1908 (khổ lớn, 700 trang đã in; 400 [trang] chưa in; tất cả 4.200 hình vẽ [dessin]) (tr. 74-103) gồm chú thích cho phần lớn những hình khắc nguyên in trong *KTTN*, trong bản in lại 2009 là ở quyển 2 và 3. Ở khoảng hai trăm trang tranh cuối, Oger chú thích rất sơ sài; có thể vì ông chuẩn bị *Tập văn từ* khi không có sự giúp đỡ của người Việt.

9- **Các bảng tổng hợp của 15 tập tranh** (tr. 104-107) thực ra đây là bảng phân loại các trang tranh theo các đề tài đã ghi ở mục 4- nhưng chi tiết hơn. Chúng tôi thấy nhãn quan phân loại của Oger có khác với đương thời và ông dùng trang tranh (có nhiều hình khắc về nhiều đề tài) làm đơn vị phân loại.

Các mục 2, 3 và 7 không được dịch sang tiếng Anh và tiếng Việt. *Văn là người*. Xem 9 mục trên (nhất là các mục 2, 3, 7 và 8) chúng ta thấy rõ cá tính, trình độ, kiến thức chung và riêng về Hà Nội và người Hà Nội của Oger.⁽⁵⁾

Quyển 2 và 3 gồm các trang tranh; từ 1 đến 350 ở quyển 2 và từ 351 đến 700 ở quyển 3 (ở 2 quyển này, số của trang tranh do người thợ khắc in

năm 1909 đã được dùng ngay làm số trang khi in lại năm 2009). Các trang tranh đã được xử lý vi tính để xóa những tổn thất do thời gian và do con người đồng thời ở dưới mỗi trang cũng thêm một dải ghi những lược phiên hoặc lược dịch những chữ Nho hoặc chữ Nôm có trong hình khắc.

Đĩa DVD với bộ nhớ đã sử dụng 660Mb gồm toàn bộ phần văn từ (tương đương quyển 1, ấn bản cứng nhưng không đúng y nguyên, cả về nội dung lẫn về cách trình bày) và 700 trang tranh (tương đương quyển 2 và 3, ấn bản cứng nhưng gần như nguyên gốc).

*

* *

Cho đến nay, theo chúng tôi biết, chưa ai nghiên cứu tường tận về bộ sách *KTNN*, cả về mặt văn bản lẫn về mặt nội dung. Bản in 2009 chỉ nhằm đưa sản phẩm, dạng [gần] nguyên gốc, đến bạn đọc, tuy có thêm *Tựa* với những thông tin về bối cảnh hình thành sản phẩm và có nghiên cứu điển hình⁽⁶⁾ về nghề làm giấy bản. TS Olivier Tessier coi như “nhiệm vụ đã hoàn thành” (trao đổi riêng, tháng 10 năm 2009).

Trước đây, trong những năm 1960 ở Sài Gòn đã có những cố gắng định đưa *KTNN* đến công chúng. Nhưng chỉ sau bài báo nói trên của Huard năm 1970, một vài hình khắc trong bộ này mới được sử dụng rộng rãi (lấy nguyên từ bộ gốc hay lược hoặc phỏng họa lại) trên sách báo tiếng Pháp rồi tiếng Việt. Trong những năm 1980, đã có hai ấn phẩm tiếng Việt chuyên về bộ gốc, một vào năm 1985 của Viện Từ điển Bách khoa thuộc Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội⁽⁷⁾ và một vào năm 1989 của ông Nguyễn Mạnh Hùng ở TP Hồ Chí Minh. Trong những năm đó cũng có nhiều bài trên báo chí trung ương và địa phương nói về và in lại một số hình cho là lấy từ bộ gốc trên. Khoảng 10 năm sau, ông Hùng có viết bài *Tết Cả Việt Nam*⁽⁸⁾ trên ấn phẩm của Trường Đại học Dân lập Hồng Bàng, TP Hồ Chí Minh (không ghi năm xuất bản, đoán khoảng sau 1999 và trước 2002) dựa trên những hình khắc lấy (không hết) từ *KTNN*. Những thông tin trên càng làm tăng niềm háo hức. Người Việt bình thường nào chẳng mong được xem tận mắt những hình khắc *về mình*, hay đúng hơn về người Hà Nội, từ đầu thế kỷ XX.

Sự háo hức ấy càng tăng khi chúng ta không có một hình vẽ, hình khắc nào về diện mạo, hình dáng, cách ăn nếp ở của ông cha chúng ta từ thời dựng nước đến cuối thế kỷ XVIII. Có chăng chỉ một vài hình người đúc cách điệu trên mặt trống đồng Ngọc Lũ, vài cặp tượng người trên nắp thạp đồng Đào Thịnh, vài nhục thân các vị cao tăng còn lại dưới dạng tượng thờ trong chùa chiền, vài xác ướp khai quật tình cờ ở nhiều địa điểm khác nhau (như mới đây, tháng 4 năm 2003, đào được ở xã Xuân Thới Thượng, Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, một người đàn ông gần như nguyên vẹn, táng khoảng 200 năm trước) và nhất là những hình khắc hay ảnh chụp người và cảnh rải rác trong vài cuốn du ký của người Âu. Các nhà Nho xưa thường chỉ chú trọng đến việc *ngâm hoa vịnh nguyệt*; những vị như Lê Quý Đôn (1726-1784) thật hiếm. Hình như chúng ta có truyền thống và tâm lý ghét/sợ hình ảnh (pictophobia, picto-allergie). Cho đến giữa những năm 1950 ở thôn quê miền Bắc, chúng tôi còn gặp những bà, những chị sợ chụp hình; muợn hơn ít năm

và ở vùng núi Tây Bắc, hầu như mọi người, trừ những cô gái mới lớn, đều không thích chụp hình (vì sợ bị “mất cái hồn”)! Hồi đó, trên bàn thờ gia tiên nào cũng chỉ có *bài vị* ghi tên người quá cố. Ngày nay, bài vị được thay bằng hình vẽ hoặc chụp chân dung.⁽⁹⁾ Trong bối cảnh đó, *KTNN* quý biết bao (nếu không nói đến quan điểm chính trị và dân tộc của Oger).

1. Về người đứng tên là tác giả bộ sách (Henri-Joseph Oger), Huard (1970: 215) là người đầu tiên công bố tiểu sử của Oger. Những người sau như Nguyễn Mạnh Hùng (1989: 63), Le Failler cùng Tessier (2009: 15-17) đều đã dựa vào đó, viết lại với vài chi tiết khác nhau.

Chúng tôi dựa thêm vào những dữ liệu do Thư khố Quốc gia [Pháp về] Hải ngoại, ANOM, do Trường Cao học Thực hành (EPHE), do Lưu trữ Quốc gia Pháp (Dépôt legal, BnF) và do Nhà xuất bản Geuthner cung cấp (tháng 10/2009 - tháng 01/2010) và lập được bảng tóm tắt sau.

	Lần lưu trú thứ nhất ⁽¹⁰⁾	Lần lưu trú thứ nhì	Lần lưu trú thứ ba
Từ...	Cuối năm 1907	Đầu hoặc giữa năm 1911	Tháng 9 năm 1916
...đến	Giữa năm 1909	03/6/1914	18/6/1919
Tình nguyện/ Bắt buộc	Tình nguyện		Bắt buộc
Nơi lưu trú	Hà Nội (Bắc Kỳ) ⁽¹¹⁾	Vinh (Trung Kỳ)	Quảng Yên (Bắc Kỳ)
Trình độ	Học hết năm thứ nhất trường <i>La Colo</i> và trường EPHE.	Vừa tốt nghiệp trường <i>La Colo</i> .	
Chức vụ	Lính nghĩa vụ	Cán sự tập sự (élève-administrateur) từ 17/10/1910 và cán sự chính ngạch từ 01/7/1912.	Phó cán sự (adjoint-administrateur).
Người thầy/ cố vấn	Jean Ajalbert, luật sư, nhà thơ, nhà báo, Viện sĩ Viện Hàn lâm [Văn học] Goncourt		
Cơ quan hỗ trợ	Tòa soạn báo <i>L'Avenir du Tonkin</i>		
Tác giả và tác phẩm gợi ý	Gustave Dumoutier và di cảo <i>Essais sur les Tonkinois</i> (đăng trên <i>Revue Indo-Chinoise</i> , 15/3/1907 - 15/2/1908)		Phong trào <i>Ngôi nhà cho mọi người ở Pháp</i> (dựa theo mô hình <i>Thư viện công cộng miễn phí</i> của Mỹ)
Hoạt động ham thích	Tìm hiểu đời sống và các ngành nghề ở Hà Nội	?	<i>Ngôi nhà cho mọi người Pháp-Nam</i>
Sản phẩm	Bộ sách <i>Kỹ thuật của người Nam</i>		

Chúng tôi chỉ chú ý đến lần Oger ở Hà Nội, vì chỉ lần này ông mới hăm hở viết lách, có bài đăng trên *Revue Indo-Chinoise* (từ số 77 [15/3/1908] đến số 82 [30/5/1908]) nhưng bị *Ban biên tập cho là tác giả [Oger] tỏ ra không có mức cần thận mong muốn*.⁽¹²⁾ Gặp người thầy/cố vấn (mentor) là Jean Ajalbert (1863-1947) ở báo *L'Avenir du Tonkin* ít nghiêm túc hơn, Oger mới

“phát huy” được tính chủ quan, xúc nổi có phần thiếu chín chắn của mình. Bộ *KTNN* được hoàn thành trong lần lưu trú này và sau đó, không bao giờ ông trở lại đề tài này nữa. Đáng chú ý là hình như *KTNN* là dự tính *duy nhất* của Oger có sản phẩm.

Nhân đây xin được nói qua về ảnh hưởng của Gustave Dumoutier (1850-1904), thanh tra học chính và di cảo của ông *Essais sur les Tonkinois* (đăng rờng rã từ 15/3/1907 đến 15/2/1908 trên tờ báo nghiêm túc *Revue Indo-Chinoise*, ngay sau đó được in thành sách, 344 trang, khổ in-4^o, tại Imprimerie d'Extrême-Orient, Hanoi-Haiphong). Chính Oger cũng phải nói đến *du luận* về ảnh hưởng này: *Một vài người khẳng định một cách giản đơn là tất cả những ghi chép [của Oger] lần lần được đưa lên báo l'Avenir du Tonkin là lấy từ [những bài viết của] Dumoutier. Lỗi của họ là [họ] chưa bao giờ mở [xem] những tập sách của tác giả đáng trọng này [Dumoutier]. Một trong những nét sáng giá của công trình này [KTNN] là chưa ai ở Đông Dương từng làm [một công trình tương tự] (bản in 2009: 39).* Oger xúc tiến *KTNN* gần như ngay sau những bài báo của Dumoutier, đó là về mặt thời gian. Về nội dung, nhất là đề tài, sự trùng lặp là điều rõ ràng. Nhưng so sao được giữa một ông thanh tra học chính đã ở Bắc Kỳ cả chục năm, đã đi nhiều nơi và có đội ngũ nhiều thư ký-thông dịch người Việt⁽¹³⁾ với anh lính nghĩa vụ vừa học xong năm thứ nhất đại học, chỉ ở Hà Nội vèn vèn khoảng 20 tháng, làm việc dưới sự chỉ bảo/hướng dẫn của nhà thơ-nhà báo Jean Ajalbert.

Hai hình 5 và 6 cùng chú thích của chúng có thể minh họa cho nhận xét trên. Hình 5 lấy từ trang tranh 384 (quyển 2, bản in 2009), hàng thứ nhất, vị trí E (thứ 5) với chú thích tiếng Pháp (tr. 93, quyển 1, tạm dịch) *Nơi để bình vôi cũ và không có chú thích chữ Nho hay chữ Nôm và cũng không có mã số.* Trong hình có vẽ rõ ràng 4 ông bình vôi quai cong và có thể cả ông thứ 5 gầy quai, đặt ngay ngắn trên một bệ thờ hai bậc (có thể bằng gạch) dưới hai cây mảnh mai. Nếu chỉ dựa vào hình khắc và chú thích của Oger, chúng ta không biết hình đó nhằm thể hiện tục “để ông bình vôi đã kín miệng nơi gốc đa, gốc đề”. Trái lại, Dumoutier đã *tự tay* thể hiện tục này (Hình 6) khi thấy một cây đa thờ cô hồn (những linh hồn cô quả, không được ai thờ cúng) ở Hà Nội năm 1897: bảy ông bình vôi treo trên rễ đa, bình nhang đang hương khói và 5 người, vừa phụ nữ vừa trẻ em, đứng ngồi ủ rũ bên gốc cây.⁽¹⁴⁾ Dumoutier chú thích: (*Essais sur les Tonkinois*, 1908, hình 90, tr. 248, tạm dịch) *Cây đa thờ cô hồn, có treo bình vôi để thờ.* Cũng năm 1897 đó Dumoutier đã nói về tục trên tại Hội nghị quốc tế các nhà Đông phương học, họp ở Hà Nội: *đem để những bình vôi cũ ở gốc đa hoặc ở nghĩa trang là nhằm để thờ các cô hồn vốn hay lẫn quất ở các bụi rậm hay ở các cây lớn bên chùa.* Trong di cảo, ông viết nhiều hơn (1908: 247): *Những ông bình vôi không còn dùng được, được đem cúng cho vài vị thần, đem treo lên rễ phụ cây đa hay treo lên cành cây những nơi thờ cô hồn. Ở thôn quê Bắc Kỳ chúng ta thấy có treo ở những rễ phụ rủ dài xuống, trông như bộ tóc, của cây đa bên đình chùa hoặc chắt đóng dưới chân cây hoặc để trên tường rào miếu mạo hay trên các am thờ giữa trời, những bình rỗng [nặng] bằng đất,*

thường có tráng men, những bình này lớn hơn nắm tay, phía trên có quai bẹt, bên thân bình chỉ có một miệng tròn. Miệng bình có bám một lớp vôi cứng, đôi khi làm thành hẳn một vòng gồ cao. Đó là ông bình vôi, vôi đựng trong bình dùng để ăn trầu.

So sánh những thông tin về *Nghề khảm xà cừ* ở Hà Nội của Hocquard (1884; bản in 1999: 60-62),⁽¹⁵⁾ Dumoutier (1908: 124-128) với của Oger (bản in 2009: 43-44), chúng ta càng thấy sự khác biệt đặc biệt lớn. Sự “thông thái” của Dumoutier đã làm những tờ báo “nổi loạn” ghen tức (Hình 8).

2. Xem các hình khắc ở quyển 2 và 3, chúng tôi thấy họa sĩ vừa vẽ người/vật mẫu có thực vừa vẽ lại theo tranh (như tranh làng Hồ, tranh



Hình 5. Hình khắc 384_1E trong *KTNN* (vẽ năm 1908).

Hình 6. Hình do Dumoutier tự vẽ ở Hà Nội năm 1897.

Hình 7. Hình chụp cây đa cổ thụ với những ông bình vôi nơi gốc cây (Hocquard, 1884-1885).

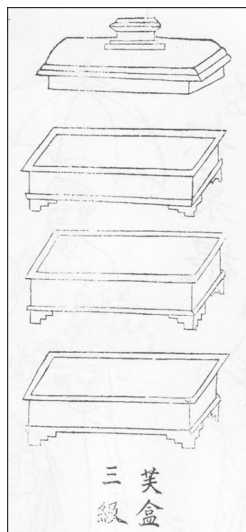
Hình 8. Tranh châm biếm Dumoutier trên báo *La Vie Indo-Chinoise*, số 8, năm thứ 2, ngày 09/1/1897. (Chú thích trong hình: *Nhà bác học lớn dành vài giờ cho tác phẩm lớn của mình về các giống da vàng sáng màu*).

Hình 9. Hình vẽ, khắc từ người/vật thực (hình khắc 356_0D *Tôm trầu không*).

Hình 10. Hình vẽ, khắc lại từ tranh làng Hồ (hình khắc 375_2E *Công thương*).

Hàng Trống), sách (như lịch Tàu, sách tướng số...).

Oger và các họa sĩ đã dành trọn một năm để làm việc trên: *Trong một năm tác giả [Oger] đã đến các xưởng thợ, các cửa hàng cùng một họa sĩ...* (tr. 38, quyển 1). Chúng tôi nghĩ năm đó là năm *Mậu Thân 1908* và đầu năm *Kỷ Dậu 1909*.⁽¹⁶⁾ Điều đáng quý là các họa sĩ và Oger đã ghi được các lễ Tết chính trong thời gian đó như Tết Ta (Tết Mậu Thân 28/1/1908, Tết Kỷ Dậu 22/1/1909), Tết Đoan Ngọ (30/5/1908), Tết Trung thu (05/10/1908)... nghĩa là *hầu như đủ chu kỳ một năm*. Cũng thấy có nhiều hình khắc đồ mã và đồ chơi Tết Trung thu bằng giấy như ông tiến sĩ giấy, đèn kéo quân... và cả nhiều hình khắc đồ chơi bằng sắt tây (thường được gọi là đồ Hàng Thiếc, cũng chỉ rõ lên trong dịp Tết Trung thu). Bánh Trung thu, con giống... cũng là đề tài của một số hình khắc. Có điều là một số hình đã vẽ không theo những nguyên tắc cơ bản của hội họa, nhất là phép phối cảnh, không ghi tỷ lệ tuyệt đối (so với vật thực) và không vẽ theo tỷ lệ tương đối (giữa các yếu tố trong hình); đôi khi cả chú thích chữ Pháp, chữ Nôm hay chữ Nho đều không giúp hiểu nội dung. Thí dụ, hình khắc 350_1C có bốn chữ Nho: *Phù hạp tam cấp* (hộp trầu ba ngăn) và được Oger chú thích (tr. 92, quyển 1, tạm dịch) là *Bộ đồ trầu bằng thiếc*. Rõ ràng là đồ Hàng Thiếc nhưng do không biết kích thước (và chú thích quá sơ sài) nên không biết đó là đồ chơi Trung thu hay là đồ dùng của người ăn trầu. Có lẽ câu hỏi này sẽ chẳng bao giờ có lời đáp. Trong thực tế, chúng tôi chưa nghe nói và chưa gặp hộp trầu bằng sắt tây.⁽¹⁷⁾



Hình 11. Hộp trầu Hàng Thiếc: đồ chơi hay đồ dùng? (tranh khắc 350_1C).



Hình 12. Nhà hàng đồng (một phần trang tranh 531) ký tên ông Nguyễn Văn Đăng, có graffiti kiểu Việt.

thác kho báu đặc sắc đó.⁽¹⁸⁾ Bản in 2009, ở dạng gần như nguyên sơ, đã đến tay người đọc bình thường sau nhiều năm không rõ thực hư. Đã có đường đến kho báu và cửa đã mở nhưng còn cần kiểm kê, mô tả đúng các vật có trong kho rồi còn phân loại, trình bày có lớp lang, thuyết minh chính xác,

3. Nhìn về tương lai. Công của EFEO Hà Nội và các cơ quan cộng tác là đã in lại *KTNN*, đây là bước quan trọng trong việc khai

cuối cùng định đúng giá trị của kho báu. Chúng tôi hình dung sơ qua các việc sau:

- Chúng ta biết ở Nhật Bản vẫn còn tới 235 trang tranh (25,13% tổng số) thuộc “dòng” này nhưng chưa từng in và công bố (tr.8, quyển 1). Vào tháng 3 năm 2010 có tin, EFEO đã nhận được các phó bản.

- Nhưng trước mắt cần nghiên cứu về mặt văn bản và ngữ nghĩa bản in 2009, thí dụ như:

+ Xác định chính xác số lượng hình khắc có trong bản in 2009. Henri Oger viết: ...4.000 hình vẽ [dessin], bản đồ [plan] và hình khắc [gravure]... (bản in 2009: 34) nhưng rồi cũng chính ông cho biết *Những tài liệu hình vẽ* [document figure] vượt con số 4.000 (tr. 38) và cuối cùng ở tr. 74 ông khẳng định *tất cả 4.200 hình vẽ*; nhưng đếm theo số chú thích ghi ở *Tables analytiques*... do Oger ghi (tr. 113-153, bản in 1911) chúng tôi thấy Oger coi là mình có 4.278 tranh khắc.

Huard (1970: 216) thì cho là *hơn 4.000 tài liệu* [document] đã được thu thập như vậy...

Ủy ban Danh dự (bản in 2009: 7) viết: *Trước hết người đọc bị thu hút vì chất lượng thẩm mỹ của khoảng 4.200 hình vẽ và hình khắc*...

Chỉ Nguyễn Mạnh Hùng (1989: 30) đã đếm (không cho biết quan niệm về đơn vị đếm) và đưa ra con số 4.577 bản nhưng tiếc thay, đây vẫn chưa phải là con số cuối cùng vì chính tác giả này chú thích: *Chúng tôi* [NMH] *có loại trừ số bản trùng và số bản vẽ những dụng cụ quá nhỏ và đơn sơ không nhận rõ hình dạng*. Nhưng *số dụng cụ quá nhỏ và đơn sơ* này là bao nhiêu? *Không nhận rõ hình dạng* đối với NMH nhưng đối với người khác thì có khi không vậy.

Chúng tôi đã đếm ngẫu nhiên trang tranh 376 (quyển 3) và thấy số hình khắc nhiều hơn số do Oger đưa ra (tr.93, quyển 1) tới 2 hình (17 và 19). Ở trang tranh 375 (quyển 3) cũng có 4 dòng chữ Nho (nói về cách xếp *con thô* [bán thành phẩm] vào lò nung gốm ở Bát Tràng) bị Oger bỏ sót. Việc định số lượng và vị trí này không dễ vì các hình có kích cỡ khác nhau, được sắp xếp trong trang tranh theo một trật tự mà đến nay chưa ai giải mã được⁽¹⁹⁾ do vậy, ngay trong bản in 2009 có vị đã nhầm, không chỉ một lần, vị trí của hình.

Lấy đơn vị tính là *hình khắc theo nội dung*, chúng tôi thấy ở 701 trang tranh hiện biết có tất cả 4.387 hình (4.383 ở 700 trang đã công bố và 4 ở trang thứ 701. Không thấy hình trùng, giống nhau như đúc [một *bàn khắc* in hai lần] mà chỉ thấy những hình vẽ cùng một đề tài [như những hình vẽ ống đựng tằm, rõ ràng do *hai người vẽ*]).

+ Phiên âm rồi dịch *sát nguyên văn* và *tất cả* những chữ Nho hay chữ

Nôm thấy trong hình khắc sang Quốc ngữ. Những chữ này còn quan trọng và có giá trị hơn nhiều so với những chữ Pháp do Oger phóng tay viết (khi không có người Việt trợ giúp) trong *Tables analytiques...* (tr. 74-103, quyển 1); không chỉ để hiểu hình khắc mà còn để biết về xã hội thời đó (như về dân ông làng Bát Trảng) và về giá cả một số mặt hàng; qua những dòng và cách viết những chữ đó cũng có thể thấy cách và phong cách viết chữ Nho, chữ Nôm và nói tiếng Việt hồi đó trong người bình dân.

+ Cho mỗi hình khắc một số (lấy từ số trang tranh, số hàng và vị trí trên hàng; ở những trang chỉ có một hàng, thay số hàng bằng dấu)⁽²⁰⁾ và một chú thích (thận trọng viết mới một cách tương đối chính xác dựa vào chú thích chữ Nho hay chữ Nôm của người Việt (nếu có), chữ Pháp của Oger (nếu có), và vào thực tế ở Hà Nội hồi đó, theo điều tra hồi cố và những tài liệu đương thời).

+ Lên danh sách các hình khắc và phân loại chúng theo nhiều chiều để tiện dùng khi tra cứu. Đối với một khách du lịch nước ngoài, lần đầu tiên đến Hà Nội thì *Việc sắp xếp hỗn tạp* [như ở *KTNN*], [dù] *do cố ý hay do yêu cầu kỹ thuật, chẳng gây khó chút nào cho việc tra cứu* (bản in 2009: 19). Nhưng đối với một người Việt bình thường muốn biết về một việc nhỏ như *Đập vàng quỳ*⁽²¹⁾ thì thực là một cực hình, phải giở hết (có khi nhiều lần) gần một nghìn trang ở ba quyển sách khổ lớn, so sánh các chữ Nho/Nôm trên hình và chú thích tiếng Pháp ở sách 1, suy đoán (hay tra cứu) để biết đích thực nội dung của từng hình khắc. Với đề tài *Tục ăn trâu*, chúng tôi đã vất vả nhặt được 129 hình khắc có ở 106 trang tranh, rải rác từ trang 1 đến trang 690!⁽²²⁾ Tất nhiên cũng phải xem kỹ 10 trang cuối cùng để biết chắc là ở đó không có hình khắc nào liên quan đến trâu cau!

Ngoài ra cho đến nay không ai chú ý đến những con số bằng chữ số Ả Rập và chữ Nho ở một số hình khắc (thí dụ, ở Hình 9, các số 322 và *tam bách nhị thập nhị*). Nếu dựa vào những số đó mà sắp xếp các hình khắc, chúng ta có thể hình dung được những chặng đường mà Oger và họa sĩ đã đi trong năm 1908 đồng thời cũng có thể suy ra thời điểm bắt đầu việc biên soạn *KTNN*. Chúng tôi đã thử làm việc này và nghĩ *KTNN* được bắt đầu từ Tết Mậu Thân 1908.

Và còn vài việc cần nữa như: a) tìm hiểu về nhân thân và hành trạng, đặc biệt trong ba năm 1907-1909 ở Hà Nội của Jean Ajalbert (qua đó thấy được ảnh hưởng của luật sư này đến việc thực hiện *KTNN*); b) sưu tầm những ấn phẩm *thực sự* đã in của Henri Oger và dựa vào đó, hiểu thêm về bộ sách này; c) tìm những tài liệu (nhất là tranh ảnh) đồng thời với *KTNN* để vừa bổ sung vừa *đặt Oger vào đúng vị trí của ông ta*.

Cuối cùng, chúng tôi thấy mỗi hình khắc trong *KTNN* là thành quả chung của: 1) người gợi ý và đặt làm; 2) họa sĩ; 3) thợ khắc ván và thợ in; 4) các nhà Nho “cố vấn”. Theo quy ước không thành văn và tập quán từ thế kỷ XIX, đúng ra Oger *phải* ghi đầy đủ tên họ những vị này.

Những điều tản mạn trên, chưa nói về nội dung các hình khắc, xuất

phát từ nhiệt tâm nhiều hơn từ hiểu biết, kinh nghiệm. Chúng tôi chỉ mong nói có sách, mách có chứng và rạch ròi phân biệt giữa chủ quan với khách quan trên quan điểm lịch sử và cuối cùng, không chỉ dựa trên sách vở mà còn từ thực tế ngoài đời (chủ yếu ở Hà Nội hồi đầu thế kỷ XX). Kính mong quý vị cao minh chỉ bảo.^(*)

N Q M - N M H

CHÚ THÍCH

- (1) Henri Oger. *Technique du peuple annamite - Mechanics and Crafts of the Annamites - Kỹ thuật của người An Nam*. Bản in 2009. Olivier Tessier, Philippe Le Failler chủ biên. Hà Nội, Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp - Thư viện Khoa học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh - Công ty Nhã Nam - Nxb Thế giới, 2009, 3 quyển (quyển 1: 272 trang; quyển 2: 350 trang tranh [1-350]; quyển 3: 350 trang tranh [351-700]).
Bộ này nguyên gồm hai tập (volume): *Tập văn từ* (volume de texte), khổ in-4^o, in ở Paris đầu năm 1911, có tên *Introduction générale à l'Étude de la Technique du peuple annamite - Essai sur la vie matérielle, les arts et industries du peuple annamite* và *Tập tranh* (volume des planches), khổ in-folio (42x65) in mộc bản ở Hà Nội mùa hè năm 1909, có tên *Technique du peuple annamite*. Để tránh nhầm lẫn, xin gọi các thành phần của bản in 2009 là quyển (livre). Chúng tôi dịch từ **Annamite** là **người Nam**, chứ không dùng từ **người An Nam** như nguyên bản. Chúng tôi còn dị ứng mạnh với hai từ *An Nam* mà, trong lịch sử lâu dài, người nước ngoài đã dùng với ý miệt thị. Ngày nay, nhiều vị có thiện chí nhưng vẫn dùng cách dịch như trước năm 1945 và ngấm mong hai từ đó chỉ có ý nghĩa lịch sử.
- (2) Pierre Huard. "Le pionnier de la technologie vietnamienne: Henri Oger (1885-1936?)". *Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient*, 1970, vol.LVII, pp.215-217.
- (3) Nguyễn Mạnh Hùng. *Ký họa Việt Nam đầu thế kỷ 20*. tp Hồ Chí Minh, nxb Trẻ, 1989. 204 tr.
- (4) *Tập tranh* của bộ sách này (tức quyển 2 và 3, bản in 2009) được Oger gọi khi là album, khi là volume des planches; nguyên được đóng thành nhiều quyển mỏng, Oger gọi khi là fascicule khi là volume de planches; số lượng fascicule khi Oger ghi là 10 khi là 15. Cũng vậy, ở tr.35, Oger ghi phần này in năm 1909 nhưng ở tr.74 lại viết in năm 1908. Theo chúng tôi, *Tập tranh* được in mùa hè năm 1909.
- (5) TS H. van Putten (UA, Amsterdam) đã giúp nghiên cứu tự dạng của Oger, dựa vào chữ viết của đương sự trên đơn xin nhập học trường EPHE ngày 06/11/1906; ông kết luận: *những nét nổi bật ở anh sinh viên 21 tuổi này là sôi nổi, hăng hái, hăng say [nhưng] bồng bột, tự phát (spontanité), tự cao, thiếu kinh nghiệm, thiếu óc tổ chức, thiếu phối hợp...* Kết luận này chỉ để tham khảo vì graphology không là một ngành khoa học đúng theo nghĩa của từ này.
- (6) Un cas d'école, chúng tôi nghĩ hai vị chủ biên muốn thể hiện khái niệm A case-study trong tiếng Anh-Mỹ.
- (7) *Bách khoa thư bằng tranh - Việt Nam đầu thế kỷ 20*. Tập 1, Hà Nội, Viện Từ điển Bách khoa - Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, 1985. 32 tr. Theo Nguyễn Mạnh Hùng (1989: 10) trước khi in lại thành sách, nội dung với 351 hình khắc [không y như nguyên gốc] đã được công bố trong ba số 3, 4 và 5 năm 1985 của tạp chí *Tri thức Bách khoa*.
- (8) Nguyễn Mạnh Hùng. "Tết Cả Việt Nam", trong *Tết Cả Việt Nam - Lịch sử báo xuân Nam Kỳ*. TP Hồ Chí Minh, Trường Đại học Dân lập Hồng Bàng, [s.d.], tr.7-64.
- (9) Không hẳn truyền thống và tâm lý này đã hết trong chúng ta ngày nay. Một dẫn chứng: cuốn *Phố và đường Hà Nội* dày 816 trang khổ 15x21 in năm 2004 ở Nxb Giao thông vận tải, Hà Nội mà tịnh không có một bản đồ, một hình khắc, một biểu đồ... ngoài 11 ảnh cỡ 4x5 (trong đó có ảnh tác giả) ở bìa trước và bìa sau. Một vài vị sống ở nước ngoài vẫn còn "tôn trọng" truyền thống này; xin xem bài dài về trâu cau, thuốc Lào, trà in năm 2000 ở Nxb l'Harmattan, Paris.

- (10) Năm 1906, sau khi đậu tú tài, Oger ghi tên học trường École Coloniale (Trường Thuộc địa, thường gọi tắt là *La Colo*) với số đăng bạ 741 và từ ngày 06/11/1906 ghi tên học thêm ở École Pratique des Hautes Études (EPHE). Hết năm học 1906/1907, ông đi nghĩa vụ quân sự (từ cuối 1907 đến giữa 1909 ở Hà Nội), sau đó về Paris chỉ học tiếp ở *La Colo* niên khóa 1909/1910, ra trường cuối năm 1910. Ở trường *La Colo*, ông học các lớp Đại cương và về Đông Dương; ở trường EPHE ông học lớp về ngôn ngữ Sanscrit của Louis Finot (Phó Chủ nhiệm bộ môn này) và dự các bài giảng của Sylvain Lévi (Chủ nhiệm bộ môn). Ngày 17 tháng 10 năm 1910 ông được bổ làm cán sự - tập sự ngạch dân sự Đông Dương (theo Huard, việc bổ nhiệm này được chính thức hóa ngày 29/12/1910). Đầu hoặc giữa năm 1911 ông đến nhiệm sở ở Vinh. Thời gian biểu trên, khác nhiều với ghi nhận của Huard (1970: 215) và những người viết sau, theo Huard. Nội dung conscription (service militaire obligatoire, nghĩa vụ quân sự) của Pháp vào thời đó (theo Luật André, ngày 21/3/1905) khác rất nhiều so với nội dung nghĩa vụ quân sự của Việt Nam ta.
- (11) Trong lần lưu trú này, không thấy bằng chứng nào cho biết Oger đã ra khỏi vùng Hà Nội; vì vậy đúng ra phải gọi là *Kỹ thuật của người Hà Nội*. Thực ra, hồ sơ về ông trong lần lưu trú thứ nhất - một lính nghĩa vụ - hầu như không có gì; Bộ Quốc phòng Pháp không quản lý hồ sơ của lính nghĩa vụ, địa phương làm việc này nhưng quê ông (Montrerault) không biết gì. Hồ sơ về hai lần sau, không liên quan đến *KTNN*, lại nhiều hơn.
- (12) Ch. B. Maybon. "Note sur les travaux bibliographiques concernant l'Indochine française". *BEFEO*, 1910, vol.10, No.2, p.414 (chú thích 1, Maybon không đưa vào chính văn tin về những bài báo [kém giá trị] của Oger nhưng e là bài điểm thư mục của mình không đầy đủ, nên đưa tin đó vào chú thích).
- (13) Hồi đó người Pháp ở Đông Dương có hai cuốn sách gối đầu giường: một về tổ chức xã hội, đó là *Le pays d'Annam - Étude sur l'organisation politique et sociale des Annamites* của Eliacin Luro (1837-1877) (Paris, Nxb E. Leroux, 1878. 252 tr. và nhiều bản đồ) và một về văn hóa dân tộc, đó là *Essais sur les Tonkinois* vừa nói.
- (14) Đáng tiếc là Dumoutier vẽ ông bình vôi không có hai đặc điểm riêng là miệng và quai bình. Hình khắc ở *KTNN* là do họa sĩ người Việt vẽ nên có hai đặc điểm đó.
- (15) Hocquard. *Une campagne au Tonkin*. Paris, Arléa, 1999. 684p.
- (16) Sắp xếp toàn bộ 1.538 hình khắc có mã số trích từ 495 trong tổng số 701 trang tranh, chúng tôi nghĩ các họa sĩ đã bắt đầu vẽ *KTNN* từ Tết Mậu Thân 1908. So sánh nhiều hình khắc và chữ khối vuông kèm theo hình, nhất là các hình vẽ ống đựng tằm (như 016_1C, 298_1C...) chúng tôi tin rằng có hơn một họa sĩ đã vẽ *KTNN*. Mỗi lần Oger đi với một họa sĩ nhưng lần này với người này, lần sau với người khác.
- Đến 1908, Hà Nội đã bị Pháp chiếm 36 năm (từ 1873), đã thành nhượng địa của Pháp 21 năm (từ 1888). Năm 1908 có những sự kiện lớn như: a) giai đoạn giải hòa lần 2 giữa lãnh tụ Đề Thám và Pháp sắp chấm dứt, quân Pháp đang chuẩn bị tấn công khu cứ địa của quan Đệ; b) ảnh hưởng của Đông Kinh Nghĩa Thục (bị cấm hoạt động từ tháng 11/1907 nhưng chỉ thực sự ngừng hoạt động từ tháng 1/1908) còn khá lớn, cả về mặt giáo dục và công thương; c) ngày 27/6 xảy ra vụ Hà Thành đầu độc, làm khoảng 250 quan quân Pháp trúng độc; d) ở miền Trung có phong trào cắt búi tóc (Pháp gọi là guerre des tondeurs), chống thuế (xin xâu)...
- Dù còn nhiều chống đối từ phía người Việt nhưng đối với người Pháp, Hà Nội (cũng như Bắc Kỳ) không còn ở *giai đoạn Bình định* nữa mà đã qua *giai đoạn Khai thác*.
- (17) Đồ Hàng Thiếc đều làm bằng sắt tây (fer-blanc, sắt tấm mỏng phủ thiếc), Oger hiểu nhầm là làm bằng thiếc thực (étain). Thời Pháp thuộc, phố Hàng Thiếc có tên là Rue des ferblantiers (phố những người thợ [làm đồ] sắt tây).
- (18) Về mặt *số lượng* và *nội dung đề tài*, *KTNN* vượt xa tất cả những sưu tập tranh ảnh của các tác giả khác, kể cả Fillion, Hocquard, Kahn... và bộ *Tranh chuyên đề Đông Dương* (Mongraphie

dessinée de l'Indochine) sau này nhưng *chất lượng* là vấn đề khác.

- (19) Có lẽ sắp xếp theo phương châm *l'ordre dans le désordre!*
- (20) Cho đến nay, thường dùng số của trang tranh để chỉ một hình khắc nào đó có ở trang này. Thí dụ, hình *Lò sấy giấy* được ghi là HO, 240 (tạp chí *Xưa và Nay*, số 336, tháng 7 năm 2009, tr. 25) nhưng ở trang tranh 240 đó có tới *năm* hình khác nhau, xếp thành *hai* hàng và hình *Lò sấy giấy* là hình thứ 2 (Oger gọi là hình B) ở hàng 1. Để tránh sự mập mờ này, đề nghị đánh số theo cách Oger đã nêu [nhưng không thực hiện], chúng tôi cụ thể hóa như ghi ở các hình trong bài này.
- (21) Oger chú ý nhiều đến những đồ dùng thếp vàng và giấy trang kim, họa sĩ cũng vẽ người và cách đập vàng quỳ và làm trang kim nhưng ông không cho biết mối liên hệ đó và không gọi đích danh kỹ thuật *đập vàng quỳ* vốn còn thấy ở phố Hàng Hòm, Hà Nội vào những năm 1940-1950.
- (22) Xin xem chi tiết ở Nguyễn Xuân Hiến, Nguyễn Mộng Hùng. *La chique de bétel illustrée au Vietnam avant 1945*. New York, Sun Publishers, Inc. (đang in).
- (*) Chân thành cảm ơn quý bà Vũ Thị Mai Anh (EFEO, Hà Nội), Tô Thị Chí Trung (TVKHTH TP Hồ Chí Minh), Olivia Pelletier (ANOM, Aix-en-Provence), Claire Guttinger (Collège de France, Paris), Myra Prince (Editions Geuthner, Paris), Hélène Jacobsen (Dépôt légal, BnF, Paris) cùng quý ông TS Olivier Tessier và Philippe Le Failler (EFEO, Hà Nội), Noël Tanazacq và GS Pascal Bourdeaux (EPHE, Paris), Fabrice Bard (BCAAM, Pau), TS H. van Putten (UA, Amsterdam).

TÓM TẮT

Đầu năm 2009, Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp tại Hà Nội phối hợp cùng Thư viện Khoa học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Công ty Nhã Nam và Nhà xuất bản Thế giới đã in lại tác phẩm *Kỹ thuật của người Nam* do Henri-Joseph Oger đứng tên, được xuất bản đúng 100 năm trước đây ở Hà Nội. Đây là một tác phẩm đặc sắc, vì ngoài phần văn từ khảo tả, còn có hơn 4.200 hình vẽ mô tả đời sống và sinh hoạt của người Việt ở vùng Hà Nội vào năm 1908 và đầu năm 1909.

Việc in lại bộ *Kỹ thuật người của Nam* là bước quan trọng trong việc khai thác kho báu đặc sắc đó. Bản in năm 2009, ở dạng gần như nguyên sơ, đã đến tay người đọc bình thường sau nhiều năm không rõ thực hư. Đã có đường đến kho báu và cửa đã mở nhưng còn cần kiểm kê, mô tả đúng của cái có trong kho rồi còn phân loại, trình bày có lớp lang, thuyết minh chính xác và cuối cùng là định đúng giá trị của kho báu.

ABSTRACT

ABOUT THE 2009 RE-EDITION OF *TECHNIQUE DU PEUPLE ANNAMITE*

Early 2009, École française d'Extrême-Orient (Hà Nội Chapter), in cooperation with General Science Library of Hồ Chí Minh City, Nhã Nam Company and Thế Giới Editions, re-edited the whole works *Technique du peuple annamite* that was wood-stamped just a century ago in Hà Nội with Henri-Joseph Oger as author but in fact, it was the fruit of more than thirty Vietnamese draughtsman, wood-engravers, stamp-workers and of a unknown number of scholars-advisors. This recent re-edition consists of one Book of Text and two Books of Plates figuring, in over 4,200 engravings, the daily gestures and attitudes of the ordinary folk in Hà Nội and surrounding areas in 1908 and early 1909.

The 2009 re-edition of *Technique du peuple annamite*, in its almost original version, paved the way for the public to fully contemplate this unique and outstanding enterprise. The treasure was opened but a lot of things are waiting to accomplish, such as engravings' scoring, captioning, topic-grouping and finally, identifying their real worth.